

Tác động của chính sách giáo dục trẻ khuyết tật và biện pháp quản lý giáo dục hòa nhập trong nhà trường

Phạm Thị Thanh Huyền*; Mậu Thị Nguyệt Nga*

* Trường CD Vĩnh Phúc

Received: 16/08/2024; Accepted: 26/08/2024; Published: 5/10/2024

Abstract: Vietnam is a country that has experienced many impacts of war, natural disasters and harsh living conditions. Therefore, Vietnam is also a country with a high number of people with disabilities, including children. Educational policies for children with disabilities have been implemented in practice to promote and protect children's rights, caring for both material and spiritual needs to help them develop their comprehensive capacities, aiming for the highest level of independent living ability. The article analyzes educational policies supporting the integration of children with disabilities that have been implemented in recent years. Based on the results of the evaluation of inclusive education policies for children with disabilities, including the strengths and shortcomings of the policies when put into practice, a number of solutions are proposed to achieve the goal of effectively managing inclusive education in schools today.

Keywords: Inclusive education; Children with disabilities; Management of inclusive education.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều từ tác động của chiến tranh, thiên tai và điều kiện môi trường khắc nghiệt. Vì vậy, số lượng người khuyết tật (NKT) cao chiếm 7,8% dân số (tương đương 7,2 triệu NKT từ 5 tuổi trở lên), trong đó tỉ lệ trẻ khuyết tật (TKT) là 28,3% (tương đương với gần 1,3 triệu trẻ em). Tỉ lệ TKT cũng chiếm tỉ lệ cao nhất trong nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (chiếm trên 85%, cụ thể là 1.235.440 TKT trên 1.450.749 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt) ở tất cả các nhóm khuyết tật, trong đó tỉ lệ TKT trí tuệ: 27%; TKT vận động 20%; TKT ngôn ngữ: 19%; TKT khiếm thính: 12,43%; TKT khiếm thị: 12%; các loại khuyết tật khác: 7%; trẻ đa khuyết tật chiếm 12,62%. TKT nặng chiếm khoảng 31% [Xem 3]. Là quốc gia đầu tiên tại Châu Á và thứ 2 trên thế giới phê chuẩn Công ước quốc tế về Quyền của trẻ em vào ngày 20/02/1990, tiếp đó là Công ước Liên hợp quốc về Quyền của NKT năm 2014, Việt Nam là quốc gia được đánh giá cao về sự quan tâm đến trẻ em và TKT. Mặc dù vậy, trong quá trình triển khai các chính sách giáo dục (GD) cho TKT vào thực tiễn, các chính sách có những ưu điểm và tồn tại nhất định. Những ưu điểm của các chính sách đã phát huy hiệu quả trong việc GD TKT nhưng vẫn còn những quy định trong chính sách đã bộc lộ những bất cập hoặc tồn tại nhất định. Những bất cập hoặc những tồn tại đó cần phải được sửa chữa và khắc phục mới phát huy được hiệu quả khi hỗ trợ GD TKT.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tình hình thực hiện các chính sách về giáo dục cho người khuyết tật

Chính sách trợ giúp xã hội là một trong những nội dung chính sách quan trọng nhằm bảo đảm đời sống vật chất cho NKT. Để hướng dẫn thực hiện trợ giúp xã hội cho NKT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình Chính phủ quy định cụ thể về định mức, chế độ và thủ tục. Đồng thời, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã hướng dẫn cách làm hồ sơ, nêu rõ trách nhiệm của địa phương và các bộ, ngành khi triển khai chính sách cho NKT trong Nghị định số 28/2012/NĐ-CP và Nghị định 136/2013/NĐ-CP. Trong đó, chính sách mới điều chỉnh tăng mức trợ giúp gấp 1,5 lần so với mức cũ quy định trước khi luật ban hành. Thủ tục, hồ sơ rút gọn, đơn giản cho NKT và địa phương thực hiện. Trong đó, bỏ sơ yếu lí lịch, đơn và các giấy tờ y tế bằng tờ khai và giấy xác nhận khuyết tật. Thời gian rút ngắn từ 36 ngày theo quy định trước luật xuống 25 ngày (đối tượng làm hồ sơ thủ tục trong 01 tháng thì nhận được chính sách). Đồng thời, ban hành Thông tư hướng dẫn cụ thể về mẫu hồ sơ, thủ tục và trình tự xét duyệt cũng như các điều kiện bảo đảm thực hiện. Cùng với việc ban hành văn bản, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức tập huấn, triển khai, chỉ đạo thành lập hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội, kiểm tra giám sát, tổng hợp báo cáo về tình hình thực hiện chính sách nói trên trong thực tiễn. Do vậy, chính sách cho NKT đã được thực hiện tương đối tốt và đầy đủ. Mức hỗ trợ được tăng từ 400.000 đồng năm 2010 lên 890.000 đồng

năm 2014 (tăng trên 2,2 lần). Mức chuẩn trợ cấp đã được điều chỉnh tăng từ 180.000 đồng năm 2010 lên 270.000 đồng năm 2015. Nếu tính chung cả tăng hệ số và tăng mức chuẩn thì chế độ trợ cấp đã tăng 2,25 lần so với trước khi ban hành luật. Mặc dù, trợ giúp xã hội đã có tác động tốt đến đời sống vật chất của NKT, song việc thực hiện ở địa phương vẫn còn những hạn chế nhất định. Vẫn còn một số NKT chưa được hưởng chính sách, một số địa phương chậm thực hiện điều chỉnh hệ số theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP và Nghị định 136/2013/NĐ-CP. Thực tế cho thấy, hệ thống chính sách, luật pháp về thực hiện quyền được học GDHN của TKT đã tương đối hoàn thiện, tuy nhiên trong quá trình triển khai còn gặp phải một số thách thức sau:

Một là, công tác tuyên truyền về các chính sách GD cho NKT còn nhiều hạn chế thể hiện ở cả về nguồn lực và cách thức thực hiện, dẫn đến TKT cũng như gia đình các em chưa có nhiều thông tin về cơ sở giáo dục chuyên biệt hoặc nhà trường hòa nhập làm ảnh hưởng không nhỏ đến cơ hội tiếp cận với các hình thức giáo dục phù hợp.

Hai là, hệ thống trung tâm hỗ trợ GDHN và cơ sở giáo dục chuyên biệt cần sớm được nghiên cứu và hoàn chỉnh. Hiện nay, nhiều tỉnh thành không có các trường chuyên biệt trong khi thực tế nhu cầu học trong các trường chuyên biệt đối với những trường hợp không thể học hòa nhập là rất cấp bách. Hơn nữa, do điều kiện một số dạng tật phức tạp như tự kỉ và khuyết tật trí tuệ khá phức tạp nên việc chuẩn hóa hoặc xây dựng lộ trình giáo dục phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc hòa nhập cộng đồng xã hội. Tuy nhiên, tại một số địa phương, cơ sở giáo dục chuyên biệt đặt ngay tại trung tâm trợ giúp xã hội nên hiệu quả giáo dục chưa cao do không có chuyên môn đúng chuyên ngành.

Ba là, đội ngũ giáo viên dạy hòa nhập, hỗ trợ GDHN mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng. Việc giáo dục hòa nhập TKT cần những kiến thức cơ bản liên quan đến đặc điểm tâm sinh lí, kiến thức về dạng tật và mức độ khuyết tật có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng học tập của trẻ. Bên cạnh đó, nhiều cơ sở GDHN thiếu đội ngũ cán bộ hỗ trợ GDHN, dẫn đến TKT không thể đến trường.

Bốn là, điều kiện cơ sở vật chất của các trường chưa đảm bảo môi trường an toàn để TKT có thể tiếp cận đến trường, tiếp cận tài liệu học tập và các phương tiện học tập khác. Hơn nữa, bạo lực học đường, vấn đề kì thị, phân biệt đối xử với TKT vẫn chưa được ngăn chặn và giải quyết một cách hiệu quả. Điều này làm cho TKT có nguy cơ cao bị ngược

đãi, tổn thương.

Năm là, một số dạng khuyết tật đặc biệt, chẳng hạn như trẻ tự kỉ khuyết tật trí tuệ cần có những chính sách riêng cụ thể thì hiện còn chưa được triển khai trong thực tiễn. Một số gia đình có nhiều con đều thuộc khuyết tật trí tuệ hoặc mắc bệnh tự kỉ (một dạng khuyết tật đặc biệt do quá trình sắp xếp gen) lại chưa có chính sách quy định rõ ràng nên chưa được hưởng quyền lợi trong khi các gia đình này rất khó khăn khi cho con họ tiếp cận GDHN.

2.2. Một số biện pháp quản lí giáo dục hòa nhập trong nhà trường hiện nay

Một là, các cơ sở giáo dục chuyên biệt, các trung tâm hỗ trợ GDHN và các nhà trường hòa nhập nên chủ động truyền thông về các chính sách GDHN cho TKT và gia đình TKT để họ có thông tin, có cơ hội tiếp cận với quyền được học tập cho người khuyết tật nói chung.

Hai là, các cơ sở giáo dục chuyên biệt, các trung tâm hỗ trợ GDHN, các cơ sở giáo dục chuyên biệt lớn mạnh và có chuyên môn cao cần mở thêm các cơ sở mới tại những vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn nhằm hỗ trợ TKT những vùng xa trung tâm được tiếp cận với các chuyên gia, các giáo viên có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, hướng tới mục tiêu không có TKT bị bỏ rơi hay bị bỏ lại phía sau.

Ba là, các trường đào tạo sư phạm hoặc đào tạo về giáo dục cần có kế hoạch phát triển đội ngũ chuyên gia có chuyên môn cao về giáo dục hòa nhập, giáo dục đặc biệt, mở thêm các khoa đào tạo về GDHN và giáo dục đặc biệt nói chung, giáo dục TKT nói riêng. Hiện nay, số lượng các cơ sở giáo dục, đào tạo lĩnh vực này còn quá hạn chế so với nhu cầu của thực tiễn trong cả nước.

Bốn là, TKT nói riêng, trẻ có nhu cầu được GDHN nói chung đều rất cần có sự hỗ trợ đặc biệt của cơ sở vật chất từ phía nhà trường và cộng đồng. Vì vậy, ngoài nguồn quỹ đầu tư cho giáo dục từ ngân sách của Nhà nước, các nhà trường cũng nên kêu gọi xã hội hóa giáo dục từ phía cộng đồng dân cư, các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp để có thêm cơ sở vật chất giúp TKT học tập hiệu quả hơn.

Năm là, cần có chương trình đào tạo các chuyên gia về trẻ tự kỉ hoặc TKT trí tuệ. Bởi vì, đây là những đối tượng TKT có kết quả học tập rất đặc biệt. Nhiều trẻ tự kỉ có thể trở thành những thiên tài nếu như nhà giáo dục giao tiếp được với trẻ. TKT trí tuệ lại thường gặp khó khăn trong việc tiếp thu khi học tập nên cũng rất cần những chuyên gia được đào tạo chuyên sâu về nhóm trẻ này.

Sáu là, phát huy vai trò của các lực lượng với

những việc làm hết sức cụ thể để hoạt động GDHN cho TKT được quan tâm một cách đầy đủ. Đối với ban giám hiệu của trường hòa nhập: Các chính sách dành cho TKT được Nhà nước ban hành rất đầy đủ và rõ ràng, nhà trường (mà đại diện là ban giám hiệu) cần triển khai và thi hành một cách nghiêm túc theo đúng quy định. Trẻ em có quyền được đến trường và các em đều cần được quan tâm, được giáo dục chu đáo, toàn diện. Do đặc điểm hoàn cảnh đặc biệt của bản thân nên TKT rất cần được nhà trường quan tâm đặc biệt nhằm đáp ứng điều kiện và nhu cầu học hoà nhập của các em. TKT có những khó khăn lớn hơn so với bạn bè không khuyết tật. Do đó, bên cạnh các chính sách của Nhà nước và của các bộ, ngành liên quan. Vì vậy, nhà trường nên có sự quan tâm mang tính nhân văn từ lãnh đạo nhà trường trong việc đưa ra các quyết định hỗ trợ, tạo một môi trường GDHN thuận lợi nhất.

Bây là, đối với giáo viên được phân công dạy GDHN cho TKT cần được đào tạo chuyên sâu hoặc có kinh nghiệm về giáo dục. Bên cạnh đó, tình yêu trẻ và sự kiên nhẫn với TKT là những điều kiện tiên quyết đảm bảo thành công trong quá trình thực hiện GDHN. Để tổ chức GDHN cho một TKT, người giáo viên cần thực hiện theo tiến trình sau đây: Xác định nhu cầu và khả năng đa dạng của trẻ; Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ; Tổ chức môi trường học tập phù hợp với dạng tật của trẻ; Điều chỉnh chương trình giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ; Áp dụng các phương pháp hỗ trợ TKT ở nhà trường; Vận dụng linh hoạt trong việc phối hợp các lực lượng giáo dục

Tám là, đối với học sinh (HS) ở trường có TKT học hòa nhập: HS ở trường có TKT học hoà nhập có vai trò quan trọng trong việc thực hiện GDHN thành công, đặc biệt là với những bạn HS không khuyết tật. Việc hình thành các nhóm vòng tay bè bạn hay nhóm giúp đỡ nhau trong lớp, trong trường có TKT học hòa nhập có ý nghĩa và tác động đến kết quả của GDHN rất lớn. TKT cảm thấy được khích lệ, không bị mặc cảm, xa cách là nhờ thái độ và cách ứng xử của HS không khuyết tật. Bên cạnh đó, chính trẻ không khuyết tật cũng có cơ hội để hiểu về các bạn khuyết tật, về giá trị cuộc sống và hình thành giá trị đạo đức nhân văn. Điều quan trọng là giúp các em HS hỗ trợ lẫn nhau trong học tập và cuộc sống để tất cả các em đều cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc khi đến trường. Đôi khi chính TKT lại là tâm điểm của sự kết nối của những người bạn tốt, để nêu gương về tinh thần tương thân tương ái và hiểu biết lẫn nhau trong

trường học.

Chín là, sự cộng tác của các phụ huynh có con không khuyết tật trong những nỗ lực cùng với phụ huynh có con khuyết tật, với nhà trường và đội ngũ cán bộ, giáo viên là một phần quan trọng trong thực hiện các hoạt động GDHN cho TKT. Một số dạng tật khiến TKT có thể có những hành vi làm ảnh hưởng đến những trẻ không khuyết tật, nhưng cần phải có thái độ và hành vi ứng xử tôn trọng và phù hợp đối với TKT và gia đình của trẻ. Mọi sự kì thị hay cảm đoán con mình chơi với TKT sẽ ảnh hưởng rất lớn đến mối quan hệ của HS và chất lượng giáo dục nhà trường hòa nhập và cũng không giúp cho việc phát triển của con em mình. Bên cạnh việc thay đổi thái độ, phụ huynh cần tham gia vào việc hỗ trợ TKT và gia đình của trẻ theo khả năng của họ.

3. Kết luận

TKT là đối tượng bị thiệt thòi do hậu quả của chiến tranh, của đói nghèo hoặc tai nạn lao động. Các em có nhu cầu và có quyền được hoà nhập ở nhà trường và xã hội. Các quy định pháp luật và chính sách của Việt Nam đã thể hiện rất rõ trách nhiệm của Nhà nước, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ GD&ĐT cùng các cơ quan Chính phủ có liên quan. Các chính sách của Nhà nước về GDHN là rất cần thiết để hỗ trợ TKT nói riêng và NKT nói chung. Đó cũng là điều kiện cần thiết làm điều kiện đảm bảo cho TKT có một tương lai tốt đẹp hơn. Vì vậy, việc thực thi chính sách một cách nghiêm túc và hiệu quả là trách nhiệm của tất cả các bộ ngành liên quan, các chính sách giáo dục cho TKT là trách nhiệm của từng địa phương, gia đình và các tổ chức xã hội trong quá trình xã hội hóa giáo dục. Đồng thời, đó cũng là trách nhiệm trực tiếp của các giáo viên và các nhà trường dạy hòa nhập. Đây là một nhiệm vụ rất khó khăn nhưng cũng là nhiệm vụ cao cả, đầy tính nhân văn đóng góp vào xây dựng xã hội văn minh, phát triển và đảm bảo công bằng cho mọi công dân. Mỗi một chính sách ra đời, cho dù đã rà soát kỹ lưỡng và mang tinh thần trách nhiệm cao tới đâu cũng không tránh khỏi những khó khăn và vướng mắc khi triển khai trong thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Hải (2010), *Quản lý giáo dục hòa nhập*, NXB Đại học Sư phạm, HN.
2. Bùi Thị Lâm - Hoàng Thị Nho (2012), *Giáo dục hòa nhập*, NXB Giáo dục, HN.
3. Lê Tiến Thành (2011), *Chính sách, chiến lược và kế hoạch phát triển giáo dục hoà nhập ở Việt Nam*, Bộ Giáo dục và Đào tạo.